

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 384/2025/DS-PT

Ngày: 28/7/2025

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng

Ông Nguyễn Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 100/2025/TLPT-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12-Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 218/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Chánh T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp R, phường G, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 29-8-2024), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L – Luật sư, Chi nhánh Công ty L1; (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Thanh H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt) (Theo văn bản ủy quyền ngày 05-11-2024); Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: 6 đường C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 24-3-2025, (có mặt).

- Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977 (chết ngày 18/4/2025 có vợ là Trần Thị Như H2 và 02 người con là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh năm 2003; Nguyễn Trần Đức T1, sinh năm 2004, có đơn đề nghị vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1979, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1982, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1985, có đơn đề nghị vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Võ Thị B1, sinh năm 1965. Địa chỉ: 6 đường C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Tạm trú: Tòa nhà Victory Tower, số A, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Anh Trần Duy K1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo quyền của anh K1: Ông Trần Hoàng V2, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A, hẻm H, đường C, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 24-10-2024), có mặt.

- Ông Võ Quốc A, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị B là bị đơn; ông Võ Thanh H, ông Võ Văn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Lâm Q trình bày:

Cha mẹ anh T là cụ Võ Văn A1 (chết năm 2017) và cụ Trần Thị Á (chết năm 2014) có 08 người con gồm: Võ Thị B, Võ Văn Đ, Võ Thanh H, Võ Thị B1, Võ Thị Đ1 (chết năm 2017 có con là Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thanh V1, Nguyễn Thành K2), Võ Thị D (chết năm 2002, có con là Trần Duy K1), Võ Chánh T, Võ Thị Thanh T3 (chết năm 1990, không có chồng con).

Khi còn sống, vào ngày 15-8-2000 cụ A1 và cụ Á có chia đất cho các con đồng thời để lại di chúc, gồm: Đối với đất ruộng chia cho ông Đ diện tích 04 công, ông H diện tích 04 công, anh T diện tích 04 công, bà B, bà Đ1, bà B1 và

bà D mỗi người được diện tích 02 công; Đối với đất đồng chia cho ông Đ ở B; Đất nhà ở B chia cho ông H.

Còn lại đất ruộng do ông bà cố để lại, đất rẫy trồng cao su và căn nhà do cụ A1 và cụ Á đang ở thì chia cho anh T do anh T sống cùng với cha mẹ. Và tại di chúc ngày 15-8-2000 còn ghi rõ là sau khi cha mẹ qua đời thì anh T mới được toàn quyền sở hữu.

Từ năm 2000 đến nay, anh T là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp và là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết, anh T cũng là người cúng giỗ cho cha mẹ, ông bà nội và chị T3.

Nay anh T có nhu cầu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các anh chị của anh T không đồng ý làm thủ tục cho anh T đứng tên các tài sản còn lại của cha mẹ. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2024, anh T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.729,7 m² thuộc thửa đất số 338, 356, tờ bản đồ số 37 và diện tích 3.991,4 m² thuộc các thửa đất số 64, 74, 88 tờ bản đồ số 57 đều tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho anh T. Sau đó, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chia thừa kế của cụ A1, cụ Á đối với các phần đất nói trên theo di chúc ngày 15-8-2000.

Đối với di chúc ngày 13-5-2016 của cụ A1, anh T chưa được thông tin nên không biết. Di chúc này được lập dựa trên ý chí tự nguyện của cụ A1 và được lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T nên hoàn toàn hợp pháp. Theo nội dung di chúc này, thì chỉ làm rõ hơn về ý chí của cụ A1 là để lại toàn bộ di sản của cụ cho anh T được hưởng. Do đó, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 15-8-2000.

Tại đơn phản tố đề ngày 05-11-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị B trình bày:

Cụ Võ Văn A1 (chết năm 2017) và cụ Trần Thị Á (chết năm 2014) có 08 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do cụ A1 và cụ Á nhận chuyển nhượng và một phần do ông bà nội để lại. Cụ A1 và cụ Á đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15-8-2000, cụ A1 và cụ Á có lập di chúc để phân chia tài sản cho các con. Khi lập di chúc, cha mẹ không có họp mặt các anh chị em bà mà chỉ đưa cho chị em bà đọc và ký tên khi có con cái về. Tuy nhiên, đối với 02 phần đất đang tranh chấp thì di chúc không định đoạt rõ ràng và cũng không thể hiểu được ý chí của ông bà khi lập văn bản này là như thế nào. Sau khi cụ A1 và cụ Á chết, các anh chị em của bà cũng chưa phân chia di sản này.

Khi cụ A1 và cụ Á còn sống, bà và anh T đều được cha mẹ cho mỗi người 01 phần đất trồng cây cao su cũng tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh và đều đã được cấp giấy đất. Phần đất còn lại là của cha mẹ, cha mẹ không có ý định đoạt cho ai. Tại di chúc ngày 15-8-2000, cha mẹ cũng nói rõ là để làm đất hương quả, còn cây cao su thì giao cho Út T4 thu hoạch để lấy tiền cúng kiếng.

Đối với di chúc ngày 13-5-2016 của cụ A1 được lập khi cụ A1 đang bị bệnh tâm thần và không hoàn toàn tự nguyện nên di chúc này không có giá trị pháp lý.

Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T4. Bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ chết để lại là 02 phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật thành 07 phần bằng nhau cho: bà, ông Đ, ông H, bà B1, bà D, bà Đ1, út T4. Tại phiên tòa, bà đồng ý chia di sản thừa kế của cụ A1 và cụ Á là 02 phần đất nói trên thành 08 phần bằng nhau cho bà, ông Đ, ông H, bà Đ1 (các con bà Đ1 hưởng), bà D (con bà D hưởng), bà B1 mỗi người hưởng 01 phần, riêng anh T4 được hưởng 02 phần.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 31-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà B. Di chúc ngày 15-8-2000, do cha mẹ tự lập, sau đó có thông qua cho các con nghe và đồng ý ký tên. Còn di chúc ngày 13-5-2016 của cụ A1 được lập khi cụ A1 đang bị bệnh tâm thần và không hoàn toàn tự nguyện nên di chúc này không có giá trị pháp lý.

Đối với phần đất rẫy trước đây trồng cao su, cha mẹ cũng có chia cho Út T4 01 phần, chia cho bà B 01 phần (hiện Út T4 và bà B đều đã được cấp giấy đất). Phần đất trồng cao su còn lại cha mẹ để làm hương quả, cây cao su trên đất cũng giao cho Út T4 làm để cúng cơm. Đối với phần đất ruộng, cha mẹ cũng nói rõ là để làm đất hương quả sau này cúng cơm cho cha mẹ, ông bà nội và út T3.

Ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T4. Ông yêu cầu chia di sản của cha mẹ chết để lại là 02 phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật thành 07 phần bằng nhau cho: bà B, ông Đ, ông H, bà B1, bà D, bà Đ1, anh T4.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 31-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Đ – anh Nguyễn Quang H1 trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà B. Đối với di chúc ngày 15-8-2000, cụ A1 và cụ Á chỉ nói cho anh T4 cây cao su, không thể hiện là cho đất. Đối với phần hương quả thì cụ A1 và cụ Á chỉ giao việc thờ cúng lại cho anh T4 chứ không phải giao quyền sử dụng đất. Còn di chúc ngày 13-5-2016 của cụ A1 được lập khi cụ A1 đang bị bệnh tâm thần, di chúc không được công bố cho những người thừa kế biết. Ủy ban nhân dân xã T căn cứ vào chứng minh nhân dân của cụ A1 được cấp năm 1979 để chứng thực người để lại di chúc này chính là cụ A1 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, di chúc này không có giá trị pháp lý.

Ông Đ không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T4. Ông Đ yêu cầu chia di sản của cha mẹ chết để lại là 02 phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật thành 07 phần bằng nhau cho: bà B, ông Đ, ông H, bà B1, bà D, bà Đ1, anh T4.

Tại bản tự khai đề ngày 31-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà B. Nội dung di chúc ngày 15-8-2000, cha mẹ bà chỉ giao số cao su cho anh T4 thu hoạch để lấy tiền cúng kiến. Anh T4 sinh ra và lớn lên đều do cha mẹ lo sẵn. Ngoài các tài sản mà cha mẹ đã cho, anh T4 còn được cha mẹ cho vàng và tiền. Khi cha mẹ đau bệnh thì các anh chị em khác đều phụ giúp chăm sóc.

Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T4. Bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ chết để lại là 02 phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà đồng ý chia di sản của cụ A1 và cụ Á thành 08 phần bằng nhau cho bà, ông Đ, ông H, bà Đ1 (các con bà Đ1 hưởng), bà D (con bà D hưởng), bà B mỗi người hưởng 01 phần, riêng anh T4 được hưởng 02 phần.

Tại bản tự khai đề ngày 22-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hoàng V2 - người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Duy K1 trình bày:

Bà Võ Thị D (chết năm 2012), bà D có 01 người con là Trần Duy K1. Theo di chúc ngày 15-8-2000 thì ông A1 và bà Á không nói là để thừa kế lại cho riêng anh T4, mà chỉ nói là để cây cao su cho anh T4 làm. Còn đất ruộng thì để lại hương quả cho ông bà nội. Hiện cây cao su anh T4 cũng đã bán. Do đó, anh K1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh T4 mà yêu cầu chia thừa kế đối với 02 phần đất này theo quy định của pháp luật thành 08 phần bằng nhau như ý kiến của bà B.

Tại bản tự khai đề ngày 31-10-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Thanh V1 và anh Nguyễn Thành K2 trình bày:

Cha anh tên Nguyễn Văn T5 (chết năm 2013), mẹ tên Võ Thị Đ1 (chết năm 2017). Cha mẹ anh chỉ có 04 người con gồm: Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thanh V1 và Nguyễn Thành K2. Trước khi chết, cha mẹ anh không có để lại di chúc. Ông bà nội anh là cụ A1 và cụ Á, trước khi chết có để lại di chúc ngày 15-8-2000. Nội dung di chúc ngày 15-8-2000, việc phân chia theo ý chí của cụ A1 và cụ Á là chưa rõ ràng. Cụ A1 và cụ Á không định đoạt cho ai thừa hưởng 02 phần đất tranh chấp. Nên anh không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T4 mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-12-2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc A trình bày:

Trước đây, ông và anh T4 có hùn nhau sản xuất lúa trên phần đất ruộng diện tích khoảng hơn 01 mẫu (trong đó có 30 cao đất đang tranh chấp), tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Anh T4 bỏ tiền còn ông thì bỏ công, sau khi trừ hết chi phí tiền lợi thu được chia đôi. Nhưng bắt đầu từ tháng 12-202, ông thuê hẳn phần đất trên để sản xuất lúa. Hai bên không có làm hợp đồng thuê, chỉ thỏa thuận miệng. Do anh T4 thấy ông khó khăn nên cho thuê giá rẻ chỉ

500.000 đồng/công/năm. Không có thỏa thuận thời hạn thuê. Phần đất này mỗi năm ông làm được 02 vụ. Đối với tranh chấp giữa anh T4 và các anh em trong gia đình anh T4, ông không có ý kiến. Khi nào anh T4 hoặc cơ quan thi hành án đòi lại quyền sử dụng đất này thì ông đồng ý trả.

Tại bản án số 48/2025/DS-ST ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Chánh T đối với bà Võ Thị B về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Anh Võ Chánh T được toàn quyền sử dụng đối với toàn bộ di sản thừa kế của cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á để lại theo di chúc ngày 15-8-2000 và di chúc ngày 13-5-2016, gồm: phần đất diện tích 12.968,3 m² thuộc thửa đất số 356, 338, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Loại đất: HNK + CLN; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00298(CM) ngày 16-5-2011 và CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên. Tứ cận: Đông giáp thửa 459 dài 14,01 m + giáp một phần thửa 338 không tranh chấp dài 0,53 m và 38,09 m + giáp thửa 1050 dài 42,95 m + giáp thửa 739 dài 12,59 m + giáp thửa 740 dài 15,89 m và 1,6 m + giáp một phần thửa 338 không tranh chấp dài 13,14 m; Tây giáp một phần thửa 356 không tranh chấp dài 94,68 m; Nam giáp thửa một phần thửa 356 không tranh chấp dài 45,36 m + giáp một phần thửa 338 không tranh chấp dài 54,03 m; Bắc giáp đường nhựa dài 117,92 m + giáp một phần thửa 338 không tranh chấp dài 4,32 m và 1,25 m. Trị giá: 10.573.000.000 (*Mười tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu*) đồng;

Và phần đất diện tích 3.913,3 m² thuộc thửa đất số 64, 74, 88, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Loại đất: LUK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên. Tứ cận: Đông giáp ruộng nước dài 125,11 m + giáp thửa 99 dài 3,4 m; Tây giáp một phần thửa 64 không tranh chấp dài 24,54 m + giáp một phần thửa 74 không tranh chấp dài 39,3 m + giáp một phần thửa 88 không tranh chấp dài 69,33 m; Nam giáp thửa 108 dài 24,54 m + một phần thửa 64 không tranh chấp dài 25,37 m + giáp một phần thửa 74 không tranh chấp dài 0,27 m; Bắc giáp thửa 63 dài 51,22 m. Trị giá: 393.280.000 (*Ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai cho đương sự theo quyết định của bản án khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á theo pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Văn Đ và ông Võ Thanh H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á theo pháp luật.

4. Đối với tài sản là cây tràm trên đất tranh chấp, các đương sự không yêu

cầu nên không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2025 bà Võ Thị B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế của cụ A1, cụ Á là 02 phần đất diện tích 13.729,7m² thuộc thửa 338, 356 tờ bản đồ số 37 và diện tích 3.991,4 m² thuộc thửa 64, 74, 88 tờ bản đồ số 57 thành 08 phần nhau, bà H3 1/8 phần.

Ngày 03/4/2025 ông Võ Văn Đ, ông Võ Thanh H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế của cụ A1, cụ Á là 02 phần đất diện tích 13.729,7m² thuộc thửa 338, 356 tờ bản đồ số 37 và diện tích 3.991,4 m² thuộc thửa 64, 74, 88 tờ bản đồ số 57 thành 08 phần nhau, ông Đ2, ông H hưởng mỗi người 1/8 phần.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bà B, ông Đ2, ông H bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị tiến hành giám định toàn bộ chữ ký và dấu vân tay trong Tờ di chúc ngày 15/8/2000 và di chúc ngày 13/5/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Di chúc ngày 15/8/2000 có nội dung “Còn số cao su hiện ba má đang hưởng, ngày nào ba má chết hết thì để lại cho út Tín nó làm, phần đó là hương quả để cúng ba má và út T3”, như vậy theo nội dung này thì anh Tín C được làm khai thác cao su không cho phần diện tích đất này.

Đối với di chúc ngày 13/5/2016 cụ A1 lúc này đã 85 tuổi, tinh thần không còn minh mẫn, có nhiều bệnh nền, mặc dù di chúc được lập trước khi cụ A1 vào bệnh viện nhưng cụ A1 đã bị bệnh trước đó, hồ sơ bệnh án thể hiện tình trạng lơ mơ, di chúc không có giấy khám sức khỏe; ông Võ Đông S xác nhận chữ ký của cụ A1 theo tờ khai chuyên nhượng chữ ký của cụ A1 khác hoàn toàn chữ ký trong tờ di chúc nên đề nghị giám định; di chúc đánh máy nhưng nội dung di chúc thì lại ghi là do cụ A1 ghi, di chúc không ghi rõ họ tên cụ A1; cụ A1 định đoạt toàn bộ tài sản này là không đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà B2, ông H, ông Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho anh Võ

Chánh T hưởng $8.105,17\text{m}^2$ và $3.913,3\text{ m}^2 = 7.001.405.000$ đồng. Chia cho Võ Thị B, Võ Văn Đ, Võ Thị B1, Võ Thị Đ1, Võ Thanh H, Võ Thị D mỗi người hưởng $810,51\text{m}^2 = 660.812.500$ đồng, tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/3/2025 cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị B; ngày 03/4/2025 nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn Đ, Võ Thanh H trong thời hạn luật quy định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Đối với Đơn kháng cáo của bà B1, cấp sơ thẩm đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà B1 không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên xem như bà B1 từ bỏ quyền kháng cáo.

Ngày 23/6/2025 cấp phúc thẩm nhận được đơn kháng của bà B1, đơn kháng cáo không ghi ngày tháng năm; ngày 22/6/2025 cấp phúc thẩm nhận được đơn kháng cáo của chị Trần Thị Như H2, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Thanh V1, Nguyễn Thành K2, Trần Duy K1 (do anh Trần Hoàng V2 thực hiện) là quá thời hạn kháng cáo nên kháng cáo của bà Võ Thị Bích C1 Trần Thị Như H2, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Thanh V1, Nguyễn Thành K2, Trần Duy K1 (do anh Trần Hoàng V2 thực hiện) không hợp lệ.

Chị Trần Thị Như H2; Nguyễn Ngọc Như Ý; Nguyễn Trần Đức T1, anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Thanh V1, anh Nguyễn Thanh K; ông Võ Quốc A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B, ông Đ, ông H đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành giám định toàn bộ chữ ký và dấu vân tay trong Tờ di chúc ngày 15/8/2000 và di chúc ngày 13/5/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với di chúc ngày 15/8/2000 các đương sự đã thừa nhận và đã thực hiện theo nội dung của di chúc; đối với di chúc ngày 13/5/2016 di chúc có chứng thực của UBND cấp xã đúng theo quy định của pháp luật. Do đó đối với yêu cầu hoãn phiên tòa không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ A, cụ Á đối với các phần đất diện tích $13.729,7\text{ m}^2$ thuộc thửa đất số 338, 356, tờ bản đồ số 37 và diện tích $3.991,4\text{ m}^2$ thuộc các thửa đất số 64, 74, 88 tờ bản đồ số 57 đều tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo di chúc ngày 15/8/2000.

Bị đơn không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T và có đơn phản tố yêu cầu chia di sản của cha mẹ theo quy định của pháp luật thành 08 phần bằng nhau, riêng anh T được hưởng 02 phần.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị B, ông Võ Thanh H, ông Võ Văn Đ thấy rằng:

[3.1] Về thời điểm mở thừa kế:

Cụ Võ Văn A1, sinh năm 1931, chết ngày 12-9-2017 và cụ Trần Thị Á, sinh năm 1934, chết năm 2014. Theo quy định tại Điều 633 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 611 của Bộ luật Dân sự thì thời điểm mở thừa kế của cụ A1 là ngày 12-9-2017, thời điểm mở thừa kế của cụ Á là ngày 22-7-2014. Trước khi chết, cụ A1 và cụ Á có để lại di chúc.

[3.2] Về hàng thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận cha mẹ cụ A1 và cụ Á đều chết trước cụ A1 và cụ Á. Cụ A1 và cụ Á có tất cả 08 người con gồm: Võ Thị B, Võ Văn Đ, Võ Thanh H, Võ Thị B1, Võ Thị Đ1 (chết ngày 27-7-2017), Võ Thị D (chết năm 2002), Võ Chánh T, Võ Thị Thanh T3 (chết năm 1990). Ngoài ra, cụ A1 và cụ Á không có con riêng hay con nuôi nào khác. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ A1 và cụ Á gồm có: bà B, ông Đ, ông H, bà B1, bà Đ1, bà D, anh T, chị T3 theo quy định tại Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

Chị T3 chết trước cụ A1 và cụ Á, trước khi chết không có chồng con nên chị T3 không được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ.

Bà Đ1 chết sau cụ Á và chết trước cụ A1. Chồng bà Đ1 là ông Nguyễn Văn T5 cũng đã chết vào năm 2013. Bà Đ1 và ông T5 có 04 người con, gồm: Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thanh V1, Nguyễn Thành K2. Nên các con của bà Đ1 đồng thời là người thừa kế chuyển tiếp của bà Đ1 đối với phần thừa kế của cụ Á, vừa là người thừa kế thế vị của bà Đ1 đối với phần thừa kế của cụ A1 theo quy định tại các điều 651, 652 của Bộ luật Dân sự.

Bà Võ Thị D chết trước cụ A1 và cụ Á. Bà D chỉ có 01 người con là anh Trần Duy K1 nên anh K1 là người thừa kế thế vị duy nhất của bà D theo quy định tại Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.3] Đối với tài sản đang tranh chấp:

Đối với tài sản tranh chấp thứ nhất: Qua khảo sát, đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 12.968,3 m² (diện tích theo giấy là 13.729,7 m², chênh lệch 761,4 m²) thuộc thửa đất số 356, 338, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Loại đất: HNK + CLN; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00298(CM) ngày 16-5-2011 và CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên. Hiện bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T giữ và đất do anh T đang quản lý.

Trị giá quyền sử dụng đất: 10.573.000.000 (Mười tỷ năm trăm bảy mươi

ba triệu) đồng.

Tài sản trên đất có: cây tràm do anh T trồng năm 2020.

Đối với diện tích 413 m² thuộc thửa 356, diện tích 348,4 m² thuộc thửa 338 (anh T không trực tiếp quản lý) và diện tích 21,8 m² thuộc thửa 1050, diện tích 0,8 m² thuộc thửa 459 (ngoài giấy đất nhưng anh T đang quản lý), các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với tài sản tranh chấp thứ hai: Qua khảo sát, đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 3.913,3 m² (diện tích theo giấy là 3.991,4 m², chênh lệch 78,1 m²) thuộc thửa đất số 64, 74, 88, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Loại đất: LUK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên. Hiện bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T giữ và đất do anh T cho ông Võ Quốc A thuê.

Trị giá quyền sử dụng đất: 393.280.000 (*Ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.*

Tài sản trên đất có: tại thời điểm thẩm định, trên đất đang trồng cây lúa nước được 14 ngày tuổi.

Đối với diện tích 23,1 m² thuộc thửa 64, diện tích 15,6 m² thuộc thửa 74, diện tích 39,4 m² thuộc thửa số 88 (anh T không trực tiếp quản lý) và diện tích 19,5 m² thuộc thửa 63 (ngoài giấy đất nhưng anh T đang quản lý), các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét di chúc ngày 15-8-2000 thấy rằng: Di chúc được lập thành văn bản. Các đương sự cũng thừa nhận di chúc do cụ A viết, tại thời điểm lập di chúc cụ A và cụ Á vẫn còn minh mẫn, sáng suốt và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Di chúc ngày 15-8-2000 cũng đã tuân thủ về nội dung, hình thức và các quy định khác được quy định tại các điều 649, 650, 651, 652, 653, 656, 658 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Tại di chúc ngày 15-8-2000, cụ A và cụ Á đã phân chia cho mỗi người con tài sản là quyền sử dụng đất như sau: Võ văn Đ, Võ Thanh H, Võ Chánh T mỗi người 4 công; Võ Thị B, Võ Thị Đ1, Võ Thị B1, Võ Thị D mỗi người 2 công. Còn đất đồng chia cho Đơn Bàu Đưng; H thì phần đất nhà Bông T7; trước khi chết thì các con cụ A và cụ Á đã nhận xong và các bên không tranh chấp.

Đối với phần hương quả của nội cô cho: được đề cập tại Di chúc ngày 15-8-2000 chính là phần đất ruộng thuộc thửa đất số 64, 74, 88 tờ bản đồ số 57; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00237(CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ A và cụ Á đứng tên. Theo nội dung di chúc có nêu: “*Còn phần hương quả nội (cố cho)...còn lại số ít phần này để lại hương quả cho ông nội bà nội*”. Từ “Hương hoá” theo cách gọi và cách hiểu của người dân nghĩa là chỉ tài sản của một gia đình giao cho thế hệ sau để sinh lợi với mục đích giữ gìn việc thờ cúng người đã

khuất thì di sản đó không được chia thừa kế nên yêu cầu chia thừa kế của cụ A, cụ Á theo di chúc ngày 15/8/2000 của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 673 Bộ luật Dân sự 1995.

Đối với “*số cao su hiện ba má đang hưởng*”: Qua thu thập chứng cứ, anh T và các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm cụ A và cụ Á lập di chúc này thì phần đất diện tích 13.729,7 m² (loại đất: BHK + CLN) thuộc thửa đất số 338, 356 tờ bản đồ số 37 đang trồng cây cao su. Nên có thể khẳng định “*số cao su hiện ba má đang hưởng*” được đề cập tại Di chúc ngày 15-8-2000 là phần đất hiện đang trồng cây tràm thuộc thửa đất số 338 và 356 tờ bản đồ số 37; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00237(CĐ) ngày 01-3-2012 và giấy số CH00298(CM) cấp ngày 16-5-2011 do cụ A và cụ Á đứng tên.

Theo nội dung di chúc có nêu: “*Còn số cao su hiện ba má đang hưởng, ngày nào ba má chết hết thì để lại cho Út T4 nó làm, phần đó là hương quả để cúng ba má và út T3*”. Từ đó có thể khẳng định, mục đích của cụ Á cũng dùng phần di sản này để thờ cúng cụ A, cụ Á và chị T3. Do đó, căn cứ Điều 673 Bộ luật Dân sự 1995 phần di sản này dùng vào việc thờ cúng nên không chia. Nên yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn theo Di chúc ngày 15/8/2000 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét di chúc ngày 13-5-2016 thấy rằng: Di chúc ngày 13/5/2016 được lập thành văn bản và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tại lời chứng thực của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thể hiện “*Ông Võ Văn A1. Chứng minh nhân dân 290295893 cấp ngày 25-8-1979 tại Công an T8 đã tự nguyện lập di chúc này và đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của di chúc. Tại thời điểm chứng thực, người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc và đã cùng ký/điểm chỉ vào di chúc này trước mặt tôi*”. Tuy nhiên, theo bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì tại thời điểm lập di chúc này, cụ A1 mắc bệnh tâm thần nhưng các đương sự không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Và căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, di chúc ngày 13-5-2016 cũng đã tuân thủ về nội dung, hình thức được quy định tại các điều 647, 648, 649, 650, 653, 657 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo nội dung di chúc ngày 13-5-2016, cụ A1 để lại toàn bộ tài sản còn lại của mình trong khối tài sản chung với cụ Á cho anh T4 thể hiện tại trang 2 của Di chúc như sau: “*Sau khi tôi qua đời, thì phần sở hữu của tôi trong toàn bộ di sản thừa kế nêu trên tôi để lại cho con ruột của tôi là ông Võ Chánh T... được sở hữu phần đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 8.850,9 m² loại đất HN: 6.081,9 m² + CLN: 2.769,0 m² thuộc thửa đất số 356 và một phần của thửa đất 338 (2.769,0/7.647,8 m²) tờ bản đồ số 37 tọa lạc ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có tư cận như sau: ...*”

Tại di chúc ngày 13-5-2016, cụ A1 để lại cho anh T phần đất diện tích 8.850,9 m² gồm: diện tích 6.081,9 m² (loại đất: BHK) thuộc thửa 356 và diện

tích 2.769,0 m² (loại đất: CLN) thuộc một phần thửa đất số 338.

Khi lập di chúc này thì cụ Á đã chết (chết năm 2014) nên việc cụ A1 lập di chúc cho anh T được hưởng 8.850,9 m² trong diện tích 12.968,3 m² thuộc thửa đất số 338, 356 tờ bản đồ số 37 là vượt quá phần sở hữu, sử dụng của cụ A1 trong khối tài sản chung của cụ và cụ Á. Do đó, di chúc ngày 13-5-2016 chỉ có hiệu lực một phần tương ứng với phần sở hữu của cụ A1 trong khối tài sản chung với cụ Á theo quy định tại các điều 652, 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Anh T được nhận thừa kế theo di chúc của cụ A1 là quyền sử dụng đất diện tích 6.864,85 m²/13.729,7 m² tương ứng với diện tích thực tế là 6.484,15 m²/12.968,3 m² (loại đất: BHK + CLN) thuộc thửa đất số 338, 356 tờ bản đồ số 37 (kết quả tách thửa là 6.484,0m² thuộc thửa đất số 338, và 01 phần thửa 356 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh).

[5] Từ những phân tích trên xét thấy có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà B, ông H, ông Đ theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh T. Anh T được hưởng thừa kế diện tích 6.484,0m² (loại đất: HNK 5668,9 m² + CLN 815,1 m²) thuộc thửa đất số 338, và 01 phần thửa 356 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận 01 phần nên bà B, ông H, ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có căn cứ chấp nhận 01 phần.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận tuy nhiên đối với yêu cầu chia thừa kế không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị B, ông Võ Thanh H và ông Võ Văn Đ.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12-Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 658, 670, 673, 738, 739, 740, 741 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 633, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657, 667, 676, 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 611, 645 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 73, 76 của Luật Đất đai năm 1993, Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 14 của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000;

Căn cứ Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Chánh T đối với bà Võ Thị B về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Anh Võ Chánh T được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 6.484,0m² (loại đất: HNK 5668,9 m² + CLN 815,1 m²) thuộc thửa đất số 338, và 01 phần thửa 356 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00298(CM) ngày 16-5-2011 và CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên. Tứ cận: Đông giáp 01 phần thửa 338 dài 117,61m; Tây giáp 01 phần thửa 356 không tranh chấp dài 31,82m + 48,49m + 14,37m; Nam giáp 01 phần thửa 356 không tranh chấp dài 39,51m + 5,85m + giáp 01 phần thửa 338 không tranh chấp dài 15,68m; Bắc giáp đường nhựa dài 24,56m + 30,28m + 01 phần thửa 338 dài 10,42m.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai cho đương sự theo quyết định của bản án khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Võ Chánh T đối với bà Võ Thị B về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với phần đất diện tích 6.484,3m² thuộc thửa đất số 356 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00298(CM) ngày 16-5-2011 và CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên và diện tích 3.913,3 m² (diện tích theo giấy là 3.991,4 m²) thuộc thửa đất số 64, 74, 88, tờ bản đồ số 57 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00237 (CĐ) ngày 01-3-2012 do cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á theo pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Văn Đ và ông Võ Thanh H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn A1 và cụ Trần Thị Á theo pháp luật.

4. Đối với tài sản là cây tràm trên đất tranh chấp, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng khác: Anh T phải chịu 11.873.000 (Mười một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận anh T đã nộp 13.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hoàn trả cho anh T số tiền 1.127.000 (Một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn) đồng từ tiền tạm ứng đã nộp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 113.286.500 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014543 ngày 16-10-2024 và số tiền 21.000.000 (Hai mươi một

triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000863 ngày 19-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). Anh T còn phải nộp thêm số tiền 91.986.500 đồng (chín mươi một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà B, ông H, ông Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm (Bà B, ông Đ, ông H là người cao tuổi thuộc diện miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 12- Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Dương Thúy Hằng